

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày: 26-5-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Lan

Ông Lường Khắc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khả Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST - HS ngày 17 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2020/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lại Văn T, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1983 tại huyện Y1, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố 1B, thị trấn Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Mạnh T (tên gọi khác: Lại Đức T), sinh năm 1948 và bà Tạ Thị V, sinh năm 1950, bị cáo có vợ là Phạm Thị V, sinh năm 1983 và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 24/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Y1, tỉnh Ninh Bình xử phạt 42 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo bản án số: 32/2011/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 21/01/2014, (đã được xóa án tích), có sử dụng chất ma túy; bị cáo bị tạm giữ ngày 25/12/2019 chuyển tạm giam ngày 03/01/2020. Có mặt.

2. Hà Văn T1, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1982 tại Mai Châu, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm N, xã B, huyện M, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T (đã chết) và bà Hà Thị M, sinh năm 1957, bị cáo có vợ là Hà Thị D, sinh năm 1982 và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 20/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số: 12/2008/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 27/7/2008, (đã được xóa án tích); đã từng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời hạn 12 tháng, theo Quyết định số 240/QĐ - UBND ngày 07/3/2012 của Ủy

ban nhân dân huyện Mai Châu; có sử dụng chất ma túy; bị cáo bị tạm giữ ngày 26/12/2019 chuyển tạm giam ngày 04/01/2020. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Hà Thị D, sinh năm 1982, nơi cư trú: Xóm N, xã B, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Bùi Văn Tr, sinh năm 1982; nơi cư trú: T3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Phong. Vắng mặt.

- Anh Hà Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm V, xã B (xã P cũ), huyện M, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Phong. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; nơi cư trú: K12, xã P, thị xã Ph, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn T, xã Y2, huyện Y3, tỉnh Nam Định. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 25/12/2019, tổ công tác của Công an huyện Mai Châu đang làm nhiệm vụ tại khu vực xóm V, thị trấn M, phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 19A-005.xx đi theo hướng M – T, do Lại Văn T điều khiển, trên xe có Hà Văn T1, Nguyễn Thị N cùng con trai nhỏ và Nguyễn Văn D. Qua kiểm tra phát hiện trong túi xách do Lại Văn T đang cầm có một hộp kim loại màu xanh - trắng, bên trong có 01 túi nilon màu trắng chứa chất bột màu hồng; 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 32 viên nén hình trụ màu hồng và 02 viên nén hình trụ màu xanh; 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen; 01 túi nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nilon màu trắng chứa chất bột màu hồng và trắng đục, T khai tất cả là ma túy của T. Cơ quan điều tra đã đưa các đối tượng về Trụ sở Công an huyện Mai Châu, niêm phong vật chứng để điều tra làm rõ.

Kết quả điều tra xác định: Do đã hẹn mua ma túy với Hà Văn T1 từ trước, nên khoảng 14 giờ ngày 23/12/2019, T thuê xe taxi biển kiểm soát 19A-005.xx do Nguyễn Văn D lái để chở từ khu vực Ga tàu Ph đến khu vực Bến xe M để gặp Hà Văn T1. Tại Khách sạn S, Lại Văn T đã mua với Hà Văn T1 các chất ma túy gồm heroine, ma túy tổng hợp, ma túy đá và thuốc phiện hết 3.200.000 đồng. Nhận ma túy xong, T cho toàn bộ ma túy vào một chiếc hộp sắt màu xanh và cất trong chiếc túi xách của mình và cùng T1 tiếp tục thuê Nguyễn Văn D chở đi Ninh Bình. Đến khu vực giáp ranh với huyện Y3, tỉnh Nam Định, thì T thuê cho T1 và D mỗi người một phòng ở một nhà nghỉ, còn T lấy xe ô tô của D đến nhà Nguyễn Thị N chơi và ngủ lại tại đó. Khoảng 10h ngày 24/12/2019 T quay lại đón T1 và D về thị trấn Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình. Đến 14 giờ cùng ngày T chở T1 và D đến nhà N để đón N cùng con trai của N đi lên M chơi. Khoảng hơn 23 giờ ngày 24/12/2019 thì đến nhà anh Lường Thanh Ngh, sinh năm 1972, tại t3, thị trấn M, huyện M. Lúc đó có Bùi Văn Tr đang trông nhà giúp Ngh. Khi thấy T cùng T1, D, N đến, Tr

gọi điện cho Hà Văn H đến để dọn dẹp nhà. Sau đó T, T1, Tr, H, D lên tầng 2 nhà anh Ngh, tại đây D nằm trên thảm ở góc phòng cấm tai nghe và sử dụng điện thoại, còn T, T1, Tr, H ngồi ở dưới sàn nhà nơi có để một tấm gỗ hình thù không xác định làm bàn uống nước. T lấy trong túi xách ra hộp sắt chứa ma túy đặt trên mặt bàn và lấy ra 04 viên ma túy tổng hợp đặt trên mặt bàn, sau đó T, T1, Tr, H mỗi người cầm lấy 1 viên để sử dụng. Sau đó T cất hộp sắt chứa ma túy vào trong túi xách của mình. Trong lúc đang sử dụng ma túy, T gọi D ra sử dụng cùng, D ra hút một hơi, sau đó lại sang thảm nằm. Một lúc sau T, T1, H Tr và D xuống tầng 1, D chở T cùng N và con trai N đến nhà nghỉ ở cạnh cây xăng ở T4, thị trấn M để ngủ, T lấy 01 viên ma túy ra cùng N sử dụng. D đưa T1 về nhà T1 tại xóm N, xã B ngủ. Đến 08 giờ 15 ngày 25/12/2019, Bùi Văn Tr và Hà Văn H đã đến Công an huyện Mai Châu tố giác về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lại Văn T. Khoảng 10 giờ ngày 25/12/2019, D chở T1 ra nhà nghỉ và lên phòng T, N đang nghỉ. T lấy 02 viên ma túy tổng hợp được cất trong hộp sắt ra, T1 sử dụng 01 viên và gọi D sử dụng cùng. Còn 01 viên T sử dụng. Sau khi sử dụng xong ma túy, D đưa T, T1, N và con trai N quay lại nhà anh Ngh chơi. Khoảng hơn 15 giờ, thì T, T1, D N cùng con trai đi xe ô tô của D để đi ăn tết của dân tộc Mông, trước khi đi, T bảo N đưa số tiền 35.000.000 đồng do T đưa cho N cất trước đó cho T1 cầm, trên đường đi đến khu vực xóm V, thị trấn M, thì bị tổ công tác của Công an huyện Mai Châu kiểm tra và phát hiện T đang tàng trữ trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra bị can Lại Văn T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của Bùi Văn Tr, Hà Văn H, Nguyễn Văn D về việc đêm ngày 24/12/2019 có được cùng Hà Văn T1, Bùi Văn Tr, Hà Văn H và Nguyễn Văn D sử dụng ma túy tại tầng 2 nhà anh Lương Thanh Ngh. Trong đó Bùi Văn Tr, Hà Văn H và Hà Văn T1 đã nhìn thấy rõ trong hộp sắt màu xanh của T có cất giấu ma túy và sau khi T lấy 04 viên ma túy tổng hợp ra cùng T1, Tr, Hoàn và D sử dụng, trong hộp sắt vẫn còn ma túy và được T cất giấu trong túi xách của T. Còn Hà Văn T1 không thừa nhận được bán má túy cho Lại Văn T, lời khai ban đầu tại Cơ quan điều tra, T1 khai nhận nhìn thấy trong hộp sắt của T có chứa ma túy và nhìn thấy T lấy 02 viên ma túy ra để cùng T1 sử dụng tại nhà nghỉ ở t4, thị trấn M. Tuy nhiên, sau đó Hà Văn T1 không thừa nhận được sử dụng ma túy với T và không biết T có tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 409/KLGD-CAT-PC09 ngày 12/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: Chất bột màu hồng trong gói ký hiệu Gói 1 trong phong bì niêm phong ghi tên Lại Văn T gửi giám định có khối lượng 0,16 gam, là ma túy, loại MDMA; các viên nén hình trụ trong gói ký hiệu Gói 2, chất tinh thể màu trắng trong gói nilon ký hiệu Gói 4 trong phong bì niêm phong ghi tên Lại Văn T gửi giám định có tổng khối lượng là 5,64 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; chất nhựa màu nâu đen trong gói ký hiệu Gói 3 trong phong bì niêm phong ghi tên Lại Văn T gửi giám định có khối lượng 3,64 gam, là ma túy, loại Thuốc phiện (Nhựa Thuốc phiện); chất bột màu hồng và trắng đục trong gói ký hiệu Gói 5 trong phong bì niêm phong ghi tên Lại Văn T gửi giám định có khối lượng là 0,51 gam, là ma túy, loại Heroine và Methamphetamine

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-HS ngày 27/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu truy tố Lại Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố Hà Văn T1 về tội Không tố giác tội phạm theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh, hình phạt: Đề nghị tuyên bố bị cáo Lại Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tuyên bố bị cáo Hà Văn T1 phạm tội Không tố giác tội phạm.

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Lại Văn T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/12/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 390, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Hà Văn T1 từ 18 đến 24 tháng tù về tội Không tố giác tội phạm, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2019.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lại Văn T không có việc làm, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, không có điều kiện thi hành, số tiền bị cáo khai 35.000.000 đồng là do bị cáo vay mượn, hiện nay đang có trách nhiệm nuôi 04 con nhỏ nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu toàn bộ số ma túy thu được, sau khi giám định còn lại đã hoàn trả, để tiêu hủy.

- Đối với số tiền 35.020.000 đồng đã thu giữ từ Hà Văn T1, T1 khai nhận số tiền là của mình lấy của chị Hà Thị Dung là vợ T1, tuy nhiên lời khai của T1 và chị D không phù hợp với nhau về số tờ, mệnh giá tiền, nơi cất giữ tiền và việc khi lấy tiền T1 khai chị D biết, chị D khai không nhìn thấy T1 lấy tiền. Lời khai của Hà Thị D không phù hợp với lời khai của anh Lương Văn Q đã khai tại cơ quan điều tra: Tháng 10/2019 chị D chỉ gửi 35.000.000 đồng, đến tháng 12/2019 anh Quý đã trả lại tiền chị Hà Thị D gửi là 35.000.000 đồng, chị D chỉ gửi 35.000.000 đồng và lấy một lần 35.000.000 đồng, mệnh giá là loại 500 và 200 nghìn đồng nhưng không nhớ rõ. Quá trình điều tra Lại Văn T và Nguyễn Thị N khai nhận đưa cho Hà Văn T1 giữ hộ 35.000.000 đồng và hai người khai đúng số tờ, mệnh giá tiền và các tài liệu chứng cứ khác. Do đó đủ căn cứ chứng minh số tiền 35.000.000 của Lại Văn T. Đề nghị trả lại cho Lại Văn T 35.000.000 đồng; trả lại cho Hà Văn T1 20.000 đồng.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại 230 vỏ mặt trước màu đen, vỏ mặt sau màu xám có 01 sim Viettel, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Lại Văn T, quá trình điều tra xác định không dùng vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo Lại Văn T.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại 105, màu đen, có 02 sim Viettel, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Hà Văn T1, quá trình điều tra xác định không dùng vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo Hà Văn T1.

- Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 19A - 005.xx, nhãn hiệu TOYOTA, loại xe VIOS (kèm theo chìa khóa xe và các giấy tờ liên quan) thuộc sở hữu hợp pháp của Nguyễn Văn D. Xét thấy Nguyễn Văn D là lái xe taxi được Lại Văn T thuê nhưng không biết Lại Văn T tàng trữ trái phép chất ma túy và không liên quan đến hành vi của Lại Văn T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng theo quy định của pháp luật.

Về các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc số ma túy thu giữ được theo lời khai của Lại Văn T mua được với Hà Văn T1, quá trình điều tra T1 không thừa nhận, không chứng minh được T1 bán ma túy cho T nên không đủ căn cứ để xử lý đối với T1 tội phạm về ma túy.

- Đối với Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn D, kết quả điều tra xác định là những người có sử dụng ma túy cùng các bị cáo nhưng không có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, không biết rõ bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Bùi Văn Tr và Hà Văn H là các đối tượng nghiện ma túy đã sử dụng cùng các bị cáo, biết rõ Lại Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng đã kịp thời tố giác với cơ quan điều tra nên không cấu thành tội phạm hình sự.

- Đối với hành vi của Lại Văn T mang ma túy ra cho T1, Tr, Hoàn, D, N sử dụng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa không chứng minh được hành vi tổ chức sử dụng ma túy, do đó không có căn cứ xử lý về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với T.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ý kiến của bị cáo Lại Văn T: Đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án, quá trình điều tra, truy tố xét xử đã được phổ biến quyền và nghĩa vụ của mình, không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình, đồng ý với nội dung Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm không có thắc mắc gì. Về việc cho những người khác sử dụng chất ma túy chỉ là thấy cùng cảnh muốn sử dụng nên cho chứ không có động cơ mục đích gì khác. Nguyên nhân vi phạm pháp luật là do muốn có ma túy, tàng trữ để sử dụng không có mục đích gì khác. Sau sự việc xảy ra đã thành khẩn khai báo mọi vấn đề liên quan đến vụ án mong được giảm nhẹ hình phạt. Về số tiền 35.000.000 đồng là tiền của bị cáo, trong đó có 10.000.000 là vay của N, gồm 50 tờ loại 500.000 đồng và 50 tờ loại 200.000 đồng, tiền vay của N là loại 200.000 đồng. Lý do đưa cho T1 là nhờ cầm hộ sợ đến nơi lạ bị mất.

Ý kiến của bị cáo Hà Văn T1: Đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án, quá trình điều tra, truy tố xét xử đã được phổ biến quyền và nghĩa vụ của mình, không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình. Bị cáo không thừa nhận được sử dụng ma túy với T và không biết T có tàng trữ trái phép chất ma túy, không thừa nhận có tội. Về số tiền 35.000.000

đồng cơ quan điều tra thu giữ Hà Văn T1 trình bày là của Hà Văn T1, là tiền của vợ chồng T1, ngày 25/12/2019 có gọi điện báo cho vợ là lấy tiền, T1 khai lấy số tiền này ở tủ ti vi, trong va ly màu đỏ không khóa, khi lấy vợ T1 có biết và nhìn thấy, tiền có đặc điểm là tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Hà Thị D là vợ của Hà Văn T1, ngày 25/12/2019 anh T1 gọi điện thoại nói là lấy tiền, số tiền là 35.000.000 đồng, khi chị D kiểm tra ở dưới gối ngủ trên đầu giường thì không thấy tiền đâu. Đó là số tiền do bán đất và bán bò có được, loại mệnh giá 500.000 đồng. Ngoài ra chị còn trình bày số tiền này lấy từ anh Q về do gửi anh Lường Văn Q để lấy lãi trước đó khi gửi là 40.000.000 đồng, một lần lấy 5.000.000 đồng, một lần lấy 35.000.000 đồng. Khi T1 lấy tiền chị không biết. Đề nghị làm rõ và trả lại số tiền cho chị.

Ý kiến của người làm chứng: Bùi Văn Tr và Hà Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có ý kiến tại Cơ quan điều tra: Vào khoảng 23 giờ ngày 24/12/2019, Tại phòng tầng 2 nhà anh Lường Thanh Ngh, Lại Văn T bỏ 04 viên ma túy từ trong hộp sắt màu xanh - trắng ra và T, T1, Tr, Hoàn mỗi người sử dụng 01 viên. Việc T bỏ ma túy trong hộp sắt màu xanh - trắng ra và cất số còn lại đi thì cả T1, Tr, H đều nhìn thấy. Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên sáng ngày 25/12/2019, Tr và Hoàn đã đến Công an huyện Mai Châu để tố giác Lại Văn T. Đến nay Bùi Văn Tr và Hà Văn H không có ý kiến thay đổi lời khai, bổ sung lời khai, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra.

Ý kiến của người làm chứng: Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có ý kiến tại Cơ quan điều tra: Ngày 23/12/2019 Lại Văn T gọi điện cho D để thuê taxi từ Phú Thọ về Ninh Bình, sau đó đến Nam Định đón Nguyễn Thị N lên M chơi. Đến nhà anh Ngh, D thấy T, T1, Tr, H sử dụng ma túy, D có được hút 01 hơi và quay sang góc phòng sử dụng điện thoại. Sáng ngày 25/12/2019, khi D và T1 đến đón T và N tại nhà nghỉ, một lúc sau D thấy có 01 viên ma túy tổng hợp trên gói giấy bạc T1 đang cầm trên tay và 01 viên ma túy tổng hợp trên giường. D hút 01 hơi và sang ghế ngồi, T1 tiếp tục sử dụng hết. 01 viên ma túy tổng hợp còn lại T và N cùng sử dụng. Cả 02 lần sử dụng, D không nhìn thấy T lấy ma túy ra và không biết về việc T tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến nay Nguyễn Văn D không có ý kiến thay đổi lời khai, bổ sung lời khai, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra.

Ý kiến của người làm chứng: Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có ý kiến tại Cơ quan điều tra: Ngày 24/12/2019 N cùng T, T1, D lên M ăn tết người Mông, khi đến M, cả 4 người vào nhà anh Nghĩa một lúc, sau đó D chở N và T đến nhà nghỉ. Hôm sau D và T1 lên nhà nghỉ đón N và T đi chơi. Tại phòng nhà nghỉ, T1 và D sử dụng 01 viên ma túy, N có được cùng T sử dụng 01 viên ma túy, N không nhìn thấy T lấy ma túy ra và không biết về việc T tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với số tiền 35.000.000 đồng, gồm 50 tờ loại 500 nghìn đồng và 50 tờ loại 200 nghìn đồng, trong đó 10.000.000 đồng là T vay N loại mệnh giá 200.0000 đồng, T đưa cho N cầm và sáng ngày 25/12/2019 T bảo N đưa cho T1 giữ hộ vì sợ mất. Đến nay Nguyễn Thị N không có ý kiến thay đổi lời khai, bổ sung lời khai, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo Lại Văn T khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được, kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 25/12/2019 tại xóm V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình, Lại Văn T bị bắt quả tang khi đang tàng trữ trái phép trong hộp kinh loại màu xanh - trắng, ở trong túi xách đang cầm có 0,16 gam MDMA; 5,64 gam Methamphetamine; 3,64 gam Thuốc phiện (Nhựa Thuốc phiện); 0,51 gam Heroine và Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Văn T1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, quá trình điều tra, căn cứ lời khai ban đầu ngày 26/12/2019 của Hà Văn T1 thừa nhận có nhìn thấy Lại Văn T lấy từ trong túi xách màu đen có 01 hộp sắt màu xanh bên trong chứa các túi nilon đựng ma túy, được cùng sử dụng ma túy và thấy T cất số ma túy còn lại vào trong túi xách. Tuy nhiên từ ngày 28/12/2019, tại các Biên bản lấy lời khai và Biên bản hỏi cung, Hà Văn T1 thay đổi lời khai với lý do đang vật thuốc và bị sốt. Tại Phiếu khám sức khỏe đối với Hà Văn T1 kết luận không phát hiện bệnh lý, nhiệt độ cơ thể 36,9 độ, trên cơ thể không có vết xây sát, bầm tím. Bị cáo khai nhận quá trình điều tra không bị ép cung, dùng nhục hình và tại các bản khai đều được hỏi về tình hình sức khỏe đảm bảo mới lấy lời khai. Do đó, lý do thay đổi lời khai của Hà Văn T1 là không phù hợp. Căn cứ lời khai của Bùi Văn Tr, Hà Văn H, bị cáo Lại Văn T và một phần lời khai của Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị N phù hợp với nhau về việc Tr, H, T1 đều biết T tàng trữ trái phép chất ma túy vào khoảng 23 giờ ngày 24/12/2019 tại phòng tầng 2 nhà anh Lương Thanh Ngh. Hà Văn T1 biết về việc T tàng trữ trái phép chất ma túy, được cùng sử dụng và nhìn thấy Lại Văn T cất số ma túy vào trong hộp sắt màu xanh để trong túi xách.

Từ các căn cứ nêu trên đã có đủ căn cứ để kết luận Lại Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 và Hà Văn T1 phạm tội Không tố giác tội phạm theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

[2] Chứng cứ xác định không có tội: Lời khai không nhận tội của Hà Văn T1.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo Lại Văn T nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết rõ tác hại của ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội, trong khi Nhà nước và toàn thể xã hội đang tìm mọi biện pháp đẩy lùi tệ nạn ma túy ra khỏi cộng đồng bởi tác hại rất lớn của nó. Song vì nghiện chất ma túy, cần có chất ma túy để sử dụng cho bản thân nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của

bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý Nhà nước về chất ma túy.

Bị cáo Hà Văn T1 nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm. Bị cáo biết rõ về việc Lại Văn T tàng trữ trái phép chất ma túy, được cùng T, Tr, H sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không tố giác hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lại Văn T, không nhận tội nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự, hình phạt.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Lại Văn T, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, trong vụ án này đã khai ra nhiều người, nhiều vấn đề có liên quan đến tội phạm, cần giảm nhẹ đáng kể, bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng. Là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Hà Văn T1, không thành khẩn khai báo, do đó không áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

[5] Từ tính chất mức độ, nguyên nhân, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo nêu trên, xét cần xử phạt tù có thời hạn với mức án nghiêm khắc, nhưng phù hợp đối với các bị cáo, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, tạm giam sau khi tuyên án và về các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã có ý kiến đề nghị nêu trên. Xét thấy có căn cứ phù hợp quy định pháp luật cần xử lý, giải quyết theo hướng đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo Lại Văn T và Hà Văn T1 phải nộp án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo Lại Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo Hà Văn T1 phạm tội Không tố giác tội phạm.
- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lại Văn T 05 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/12/2019.
- Áp dụng khoản 1 Điều 390, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hà Văn T1 18 tháng tù về tội Không tố giác tội phạm, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.
- Tịch thu toàn bộ số ma túy thu được, sau khi giám định còn lại đã hoàn trả, để tiêu hủy.
 - Trả lại cho bị cáo Lại Văn T 35.000.000 đồng.
 - Trả lại cho bị cáo Hà Văn T1 20.000 đồng.
 - Trả lại cho bị cáo Lại Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại 230 vỏ mặt trước màu đen, vỏ mặt sau màu xám có 01 sim Viettel, điện thoại cũ đã qua sử dụng.
 - Trả lại cho bị cáo Hà Văn T1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại 105, màu đen, có 02 sim Viettel, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu, tình trạng, đặc điểm vật chứng được ghi trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 35/THA ngày 29/4/2020 giữa bên giao Công an huyện Mai Châu, bên nhận Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu).

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lại Văn T và Hà Văn T1 mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.
- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh HB;
- VKSND, STP tỉnh HB;
- Trại tạm giam;
- VKSND huyện MC;
- Cơ quanĐT; Cơ quan THAHS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND huyện Y1, tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã B
- Người TGT; Lưu hồ sơ.

Phạm Thanh Tùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thanh Tùng

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh HB;
- VKSND, STP tỉnh HB;
- Trại tạm giam;
- VKSND huyện MC;
- Cơ quanĐT; Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND huyện Y1, tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Bao La
- Người TGT; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Tùng

